TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9- HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 01/2025/HNGĐ-ST Ngày: 02/7/2025 *V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung.*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9- HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Trọng Bách.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Linh và bà Nguyễn Thị Mai.

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Nông Thị Đào- Thư ký Toà án nhân dân khu vực 9- Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9- Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Vũ Thị Hương- Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9- Hải Phòng xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số 176/2025/TLST-HNGĐ, ngày 13/5/2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 16/6/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bế Thị T- sinh năm 1995; Số ĐDCN: 030195001992.
HKTT: KDC B, phường H, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.
Chỗ ở: KDC CN1, phường C, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.
Nay là KDC CN1, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Hải Phòng.
Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1985; Số ĐDCN: 030085020710.
Địa chỉ: KDC B, phường H, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.
Nay là KDC B, phường Trần Nhân Tông, thành phố Hải Phòng.
Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, Bản tự khai và ý kiến tại các buổi làm việc với Tòa án, nguyên đơn chị Bế Thị T trình bày: Chị T và anh Nguyễn Văn L, được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và tổ chức đăng ký tại UBND phường H ngày 19/9/2012

và hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo nghi thức truyền thống. Sau ngày cưới chị T về nhà anh L chung sống. Vợ chồng hòa thuận được khoảng 02 năm thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, không có tiếng nói chung. Chị đã về nhà đẻ tại KDC CN1, phường C sống ly thân từ năm 2014 đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin được ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thị Hoa M- sinh ngày 22/8/2011. Hiện con đang ở với anh L tại KDC B, phường H. Khi ly hôn chị đồng ý giao con cho anh L tiếp tục nuôi dưỡng và tự thỏa thuận với nhau về cấp dưỡng, không đề nghị Tòa án phải giải quyết.

Về quan hệ tài sản, vay nợ, công sức chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng cố ý không đến Tòa án làm việc. Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho anh L theo quy định của pháp luật.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 17/6/2025, bị đơn anh Nguyễn Văn L trình bày: Anh và chị Bế Thị T kết hôn năm 2012. Sau ngày cưới chị T về nhà anh tại KDC B chung sống, vợ chồng hạnh phúc được khoảng 02 năm chị T đi làm Spa ở ngoài Sao Đỏ được một thời gian thì về nhà lấy đồ đạc bỏ nhà ra đi, giữa hai bên không có mâu thuẫn gì to tát, anh không biết lý do chị T bỏ đi, chị T cũng không nói rõ lý do, anh và gia đình cũng động viên chị T về chung sống nhưng chị T không về và sống ly thân nhau từ năm 2014 đến nay, bỏ mặc bố con anh, thỉnh thoảng mới về nhà thăm con. Anh thấy mâu thuẫn vợ chồng chưa lớn, chưa trầm trọng nên mong vợ chồng đoàn tụ nhưng nếu chị T cương quyết thì cũng đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn theo yêu cầu của chị T chứ không phải lỗi từ phía anh. Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thị Hoa M- sinh ngày 22/8/2011. Hiện con đang ở với anh tại KDC B, phường H từ nhỏ cho đến nay. Khi ly hôn anh xin được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và tự nguyện không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản, vay nợ, công sức không có tài sản gì, không yêu cầu giải quyết.

Anh L xác định đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án. Do công việc bận nên anh xin Tòa án xét xử vắng mặt tại phiên tòa ngày 02/7/2025.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 30/5/2025 cháu Nguyễn Thị Hoa M (con đẻ của anh L và chị T) trình bày nguyện vọng được ở với bố là anh Nguyễn Văn L. Bởi vì đã sống cùng với bố từ nhỏ nên có nhiều tình cảm và gắn bó với bố hơn, bố quan tâm, chăm sóc tốt hơn và đã sống ổn định quen với môi trường sinh hoạt, học

tập ở đây; không muốn ở với mẹ. Nguyện vọng của cháu là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc.

Trưởng KDC B cung cấp: Anh Nguyễn Văn L sinh năm 1985, hiện có đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú, sinh sống tại KDC B, anh L làm nghề tự do, đánh bắt cá hải sản. Về mâu thuẫn vợ chồng anh L chị T cụ thể như thế nào địa phương không nắm được do không phải giải quyết hòa giải nhưng biết rằng hiện anh chị không còn sinh sống chung với nhau, khoảng năm 2016 chị T đã chuyển ra ngoài sinh sống, thỉnh thoảng có về nhà thăm con là cháu Nguyễn Thị Hoa M hiện đang sống chung với anh L.

Người làm chứng bà Nguyễn Thị N (là mẹ đẻ anh L, mẹ chồng chị T) cung cấp: Anh L và chị T kết hôn năm 2012, sau khi cưới chị T về nhà bà tại KDC B chung sống. Quá trình chung sống không thấy vợ chồng mâu thuẫn to tát, khoảng 02 năm sau chị T xin phép đi làm Spa ở ngoài Sao Đỏ được một thời gian thì về nhà lấy đồ đạc bỏ nhà ra đi không chung sống với anh L từ đó đến nay. Gia đình hai bên đã khuyên nhủ chị T về đoàn tụ nhưng chị T không về, thời gian đầu còn không về thăm con, gần đây bà gặp gỡ thì chị T thỉnh thoảng mới về thăm con. Việc ly hôn là quyền của chị T và anh L. Quan điểm của những người làm cha mẹ như bà luôn muốn các con đoàn tụ còn chị T mà cương quyết ly hôn thì đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật. Vợ chồng chị T anh L có 01 con chung là Nguyễn Thị Hoa M- sinh ngày 22/8/2011. Hiện cháu M đang ở với anh L cùng với gia đình bà tại KDC B, phường H. Thực tế cháu M ở với gia đình bà từ cuối năm 2012 đến nay, được chăm sóc, sinh hoạt, học tập ổn định, đảm bảo. Tài sản của chị T và anh L như thế nào bà không nắm được.

Tại phiên toà:

Nguyên đơn chị Bế Thị T giữ nguyên quan điểm khởi kiện. Đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh L vì anh L cố tình không đến Tòa án giải quyết, gây khó khăn cho chị.

Bị đơn anh Nguyễn Văn L vắng mặt có ý kiến trình bày xin Tòa án xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9- Hải Phòng bày tỏ quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án trong quá trình thu thập chứng cứ, tiến hành tố tụng tại phiên toà đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng các quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng. Về đường lối giải quyết đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng: Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí;

điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bế Thị T ly hôn anh Nguyễn Văn L. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn L tiếp tục nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thị Hoa M- sinh ngày 22/8/2011 đến khi con đủ 18 tuổi thành niên hoặc có thay đổi khác. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì anh L không yêu cầu và chị T được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung không ai được cản trở. Về công sức, tài sản, vay nợ chung: Không đặt ra việc xem xét, giải quyết. Về án phí: Buộc chị Bế Thị T chịu 300.000đ án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của các đương sự, người làm chứng được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

1.1. Bị đơn anh Nguyễn Văn L đăng ký thường trú và cư trú tại KDC B, phường H, thành phố Chí Linh (nay là phường Trần Nhân Tông, thành phố Hải Phòng) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9-Hải Phòng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1.2. Nguyên đơn, bị đơn, người tham gia tố tụng khác đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Giấy triệu tập đến tham gia tố tụng tại phiên tòa hợp lệ.

Bị đơn anh Nguyễn Văn L, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ, có đề nghị xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh L.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bế Thị T và anh Nguyễn Văn L, được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, tổ chức đăng ký tại UBND phường H ngày 19/9/2012, hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo nghi thức truyền thống nên là hôn nhân hợp pháp.

[3]. Xem xét về quá trình chung sống, mâu thuẫn giữa vợ chồng chị T và anh L thấy rằng: Từ khi kết hôn năm 2012, vợ chồng cơ bản hòa thuận không có mâu thuẫn lớn. Từ năm 2014 đến nay chị T đã chuyển đi nơi khác sống ly thân, bỏ mặc anh L và con. Anh L và gia đình có khuyên giải, tìm đón nhưng chị T không về

đoàn tụ; anh L xác định vợ chồng không có mâu thuẫn lớn nhưng thực tế đã sống ly thân từ lâu. Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh L như trên không thể hiện sự tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc gia đình đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng; làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được như quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình. Do vậy, cần căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần xử chấp nhận yêu cầu của chị Bế Thị T ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

[4]. Về con chung: Xác định chị T và anh L có 01 con chung là Nguyễn Thị Hoa M- sinh ngày 22/8/2011. Hiện con đang ở với anh L tại KDC B. Khi ly hôn nguyện vọng của anh L được tiếp tục nuôi dưỡng cháu M và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung cùng; chị T cũng đồng ý giao con chung cho anh L nuôi dưỡng; cháu M đang ở với anh L ổn định và có nguyện vọng muốn ở với anh L. Vì vậy, cần giao cho anh L tiếp tục nuôi dưỡng cháu M đến khi đủ 18 tuổi thành niên hoặc có thay đổi khác. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì anh L không yêu cầu và chị T được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung không ai được cản trở là phù hợp thực tế phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5]. Về tài sản, vay nợ, công sức chung: Chị T và anh L đều không yêu cầu. Nên, Tòa án không xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí: Chị Bế Thị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[7]. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị T có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh L vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Từ các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bế Thị T ly hôn anh Nguyễn Văn L.

2. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn L tiếp tục nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thị Hoa M- sinh ngày 22/8/2011 đến khi con đủ 18 tuổi thành niên hoặc có thay đổi khác. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì anh L không yêu cầu và chị T được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản, công sức, vay nợ: Không giải quyết.

4. Về án phí: Nguyên đơn chị Bế Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000đ, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu ký hiệu BLTU/24 số 0002694, ngày 13/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương, chị T đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị T có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh L vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 9- Hải Phòng;
- Cơ quan THADS Hải Phòng;
- UBND phường Trần Nhân Tông (q/l hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Trọng Bách